I. NHÓM NGÀNH NGH THU HÚT U T

(Theo Quyt nh s 9233/Q-UBND ngày 08/11/2012 ca UBND thành ph à Nng)

1. Công ngh sinh hc phc v nông nghip, thy sn và y t

2. Công ngh vi in t, c in t và quang in t

3. Công ngh t ng hóa và c khí chính xác

4. Công ngh vt liu mi, công nghê nano, nng lng mi

5. Công ngh thông tin, truyn thông và phn mm tin hc

6. Công ngh môi trng, công ngh phc v hóa du và mt s công ngh c bit khác.

II. DANH MC D ÁN SN XUT KHUYN KHÍCH U T VÀO KHU CÔNG NGH CAO À NNG GIAI ON 2012-2015

(Ban hành kèm theo Quyt nh s 9233/Q-UBND ngày 08/11/2012 ca UBND thành ph à Nng)

STT	**Tên d án**	**Sut u t ti thiu** *(triu USD/ha)*	**Hình thc u t**
1	Sn xut protein, enzym tái t hp s dng trong dc phm, thc phm, công nghip và x lý môi trng.	15	Mi hình thc
2	Sn xut ch phm vi sinh vt dùng trong nông nghip, x lý môi trng (t tiêu chun quc t).	15	Mi hình thc
3	Sn xut phn mm iu khin thit b u cui 3G và mng th h sau. Soft phone và codecs h tr a dch v trên nn 3G và mng th h sau.	15	Mi hình thc
4	Sn xut h thng thit b o lng, các c cu chp hành, các b iu khin và giám sát t ng cho các h thng thit b ng b trong các nhà máy lc hóa du, nhà máy in, nhà máy xi mng, dây chuyn sn xut thc phm, dc phm, nông nghip.	15	Mi hình thc
5	Sn xut b bin i thông minh t nng lng gió và mt tri (Smart solar/wind inverter). Tm pin nng lng mt tri thông minh kt ni in li và Internet.	15	Mi hình thc
6	Sn xut vt liu phc v quá trình thu, lu tr và chuyn hóa các ngun nng lng mi.	15	Mi hình thc
7	Sn xut thit b y t k thut s: máy X quang, máy siêu âm màu, máy in não. Thit b laser y t. ng c, máy khoan dùng cho nha khoa.	15	Mi hình thc
8	Sn xut vt liu linh kin vi c in t và cm bin theo nguyên lý mi.	15	Mi hình thc
9	Sn xut vt liu bán dn ch to mch t hp (IC) và linh kin in t chuyên dng.	15	Mi hình thc
10	Sn xut các sn phm thuc lnh vc công ngh t ng hóa và c khí chính xác.	15	Mi hình thc

III. DANH MC CÔNG NGH CAO C U TIÊN U T PHÁT TRIN

(Ban hành kèm theo Quyt nh s 66/2014/Q-TTg ngày 25/11/2014 ca Th tng Chính ph)

1. Công ngh thit k, ch to các vi mch in t tích hp (IC);

2. Công ngh thit k, ch to màn hình phân gii cao;

3. Công ngh phát trin h iu hành cho máy tính và các thit b di ng, h qun tr c s d liu, phn mm nn tng cung cp dch v giá tr gia tng;

4. Công ngh thit k, ch to các h thng nhúng;

5. Công ngh m bo an ninh, an toàn mng và bo mt thông tin mc cao;

6. Công ngh trí tu nhân to;

7. Công ngh tính toán phân tán và tính toán hiu nng cao;

8. Công ngh d liu ln và x lý d liu ln;

9. Công ngh mng th h sau (NGN, LTE-A, IMT-advanced);

10. Công ngh o hóa và tính toán ám mây;

11. Công ngh truyn hình s th h th 2 và các th h sau;

12. Công ngh truyn hình tng tác, công ngh truyn hình lai ghép;

13. Công ngh in t linh hot (FE);

14. Công ngh tin sinh hc;

15. Công ngh thit k, ch to các thit b iu khin, b bin i in t công sut dùng cho ngành in, ngành c khí ch to;

16. Công ngh chuyn hóa và lu tr các ngun nng lng tái to;

17. Công ngh hàng không, v tr;

18. Công ngh thit k, ch to các c cu chp hành, các b iu khin và giám sát t ng cho các h thng thit b ng b trong các nhà máy lc hóa du, nhà máy in, nhà máy xi mng, dây chuyn sn xut thc phm, dc phm, phân bón, ch bin nông, lâm, thy, hi sn và công trình thy;

19. Công ngh thit k, ch to thit b và dng c o lng th h mi;

20. Công ngh thit k, ch to robot;

21. Công ngh thit k và sn xut nh máy tính (CAD/CAM/CAE), công ngh sn xut linh hot (FMS), công ngh sn xut tích hp (CIM) sn xut sn phm có phc tp cao;

22. Công ngh iu khin chính xác gia công c khí;

23. Công ngh thit k, ch to, lp ráp h thy giàn khoan và các kt cu siêu trng siêu trng phc v ngành du khí;

24. Công ngh khoan th h mi trong thm dò du khí;

25. Công ngh thit k, ch to tàu thy c ln và tàu có tính nng phc tp;

26. Công ngh thit k, ch to máy nông nghip th h mi;

27. Công ngh thit k, ch to khuôn mu k thut chính xác cao;

28. Công ngh thit k, ch to các h thng thit b quang hc tiên tin;

29. Công ngh thit k, ch to các thit b phc v chn oán và iu tr bng hình nh dùng trong y t, thit b y t s dng công ngh ht nhân, thit b tiêm truyn dch t ng;

30. Công ngh gia công vt liu bng siêu âm, tia la in, plasma, laser;

31. Công ngh x lý b mt và hàn trong môi trng c bit;

32. Công ngh tit khun nhit thp; công ngh x lý cht thi rn y t nguy hi bng microwave, plasma;

33. Công ngh thit k, ch to h thng vi c in t (MEMS), h thng nanô c in t (NEMS) và cm bin theo nguyên lý mi;

34. Công ngh gen ng dng trong chn oán, giám nh, iu tr;

35. Công ngh ch to, sn xut vc-xin tái t hp, protein tái t hp;

36. Công ngh t bào gc ng dng trong tái to mô và c quan;

37. Công ngh t bào mô, phôi ng vt; công ngh nuôi cy mô t bào thc vt;

38. Công ngh ch to, sn xut kháng th n dòng;
39. Công ngh Genomics, Proteomics, Metabolomics;
40. Công ngh vi sinh phc v x lý ô nhim môi trng;
41. Công ngh ch to, sn xut các ch phm sinh hc th h mi phc v bo qun, ch bin nông, lâm, thy sn và dc liu;
42. Công ngh sn xut các loi thuc bo v thc vt, thuc kích dc t thy sn, phân bón th h mi t tiêu chun quc t;
43. Công ngh ch to vt liu bán dn, quang in t, quang t và siêu vt liu bin hóa (metamaterials);
44. Công ngh ch to vt liu t cao cp;
45. Công ngh sn xut hp kim c bit;
46. Công ngh in phân nhôm vi dòng in 500 KA;
47. Công ngh chit trong sn xut vt liu siêu sch quy mô công nghip;
48. Công ngh ch to vt liu siêu bn, siêu nh, thân thin vi môi trng hoc s dng trong môi trng khc nghit;
49. Công ngh sn xut vt liu polyme t hp và composite nn cao phân t cht lng cao, bn vi khí hu nhit i;
50. Công ngh sn xut polyme sinh hc có kh nng t phân hy;
51. Công ngh ch to sn chuyên dng cao cp, thân thin vi môi trng;
52. Công ngh vt liu xúc tác, hp th tái ch cn du và du thi to ra các sn phm du gc có phm cp t API nhóm II (hoc tng ng) tr lên;
53. Công ngh ch to cao su k thut cao cp chuyên dng cho ch to máy, in, in t, an ninh quc phòng;
54. Công ngh sn xut gm s k thut cao cp cho công nghip in, in t, ch to máy;
55. Công ngh ch to vt liu si thy tinh c bit, si cácbon;
56. Công ngh vt liu nanô;
57. Công ngh ch to vt liu và sn phm cy ghép can thip vào c th con ngi;
58. Công ngh sn xut hóa cht, sinh phm phc v cho các h thng xét nghim t ng và ng b.

IV. DANH MC SN PHM CÔNG NGH CAO C KHUYN KHÍCH PHÁT TRIN

(Ban hành kèm theo Quyt nh s 66/2014/Q-TTg ngày 25 /11/ 2014 ca Th tng Chính ph)

1. H iu hành cho máy tính, các thit b di ng; h qun tr c s d liu; phn mm nn tng cung cp dch v giá tr gia tng;
2. Phn mm m bo an ninh, an toàn mng và bo mt thông tin mc cao;
3. Phn mm và gii pháp xác thc a yu t;
4. Phn mm nhn dng ch vit, hình nh và âm thanh, c ch, chuyn ng, ý ngh và sinh trc hc;
5. Phn mm iu khin thit b u cui mng th h sau. Soft phone và codecs h tr a dch v trên nn mng th h sau;
6. Phn mm cho h thng ng dng RFID;
7. Phn mm x lý thông tin Y - Sinh;
8. Phn mm nn chuyên dng cho o lng và iu khin;
9. Phn mm và dch v ng dng trong h thng giao thông thông minh;
10. Dch v thit k và ti u hóa các mng li và h thng vin thông trong h tng vin thông quc gia;
11. Dch v tích hp h thng in toán ám mây;
12. Dch v tích hp h thng ng dng Internet IPv6, Internet di ng, Web th h mi;
13. Thit b k thut s x lý và truyn d liu t ng;
14. Thit b lu tr d liu dung lng ln;
15. Th thông minh và u c th thông minh;
16. Th RFID, thit b c th RFID;

17. Thit b nhn dng ch vit, ting nói, hình nh, c ch, chuyn ng, ý ngh và sinh trc hc;
18. Thit b m bo an ninh, an toàn mng và bo mt thông tin mc cao;
19. H thng thit b ngôi nhà thông minh;
20. H thng thit b iu khin thông minh cho nhà li, nhà kính;
21. H thng iu khin giao thông thông minh;
22. Thit b, phn mm, ph kin mng th h sau (NGN, LTE-A, IMT-advanced);
23. Webcam th h mi; thit b khuch i âm tn k thut s; b tng âm k thut s;
24. Thit b u cui di ng thông minh th h mi;
25. Các thit b thu, phát và chuyn i tín hiu s dng trong truyn hình s th h th 2 và các th h sau;
26. Thit b truy cp vô tuyn indoor/outdoor th h mi;
27. Máy tính song song, máy tính hiu nng cao;
28. Màn hình phân gii cao;
29. Linh kin bán dn in t công sut th h mi;
30. Vi mch in t tích hp (IC);
31. Cm bin và c cu chp hành thông minh;
32. Chip sinh hc; cm bin sinh hc;
33. Sn phm, mch in t linh hot (FE);
34. H thng vi c in t (MEMS), nanô c in t (NEMS) và các thit b ng dng;
35. ng c in c nh có tính nng và cht lng cao;
36. T máy phát in có công sut t 50 MW tr lên;
37. Máy phát cho nhà máy nhit in công sut 600 MW tr lên;
38. H thng phát in dùng nng lng gió, mt tri, thy triu, sóng bin, a nhit;
39. Máy bin áp 500 kV tr lên;
40. H SCADA cho li in. B bo v r le k thut s cho h thng in;
41. B bin i in nng thông minh t nng lng gió và mt tri; tm pin nng lng mt tri hiu sut cao và thân thin môi trng;
42. Thit b bin i in t công sut dùng cho trm phát in nng lng tái to, truyn ti in thông minh, các h truyn ng in công nghip, các b ngun in phân dòng in ln dùng trong công nghip hóa cht và tuyn qung;
43. Pin, c quy có hiu nng cao, dung lng ln; các b tích ly in nng dùng siêu t in;
44. Thit b và dng c o c, quan trc k thut s;
45. Máy o khong cách bng laser;
46. Thc cp các loi vi chính xác n 10 micromet (microns); panme các loi có chính xác cao;
17. Máy chiu bin dng;
48. Máy và dng c k thut s o lu lng, áp sut ca cht lng, cht khí;
49. Thit b và dng c k thut s phân tích lý hóa;
50. Thit b và dng c k thut s o nht, xp, giãn n, sc cng b mt;
51. Thit b và dng c k thut s o nhit lng, âm lng và ánh sáng;
52. Máy hin sóng, máy phân tích ph, máy o bc x s dng k thut s;
53. Các b iu khin, giám sát t ng và các c cu chp hành cho các h thng thit b ng b trong các nhà máy lc hóa du, nhà máy in, nhà máy xi mng lò quay, dây chuyn sn xut thc phm, dc phm, phân bón, ch bin nông, lâm, thy, hi sn và công trình thy;
54. B iu khin s (CNC) cho các máy công c và các máy gia công ch to;
55. Thit b iu khin và h thng t ng cho các loi máy nâng h có trng ti ln;
56. H thng t ng cân bng trong tu thy;
57. Cn cu tu thy c ln, cn trc ti trng ln;
58. Thit b nâng h ti trng ln;

59. Giàn khoan t nâng, giàn khoan na ni na chìm cho khai thác du khí;
60. Máy trung tâm gia công c khí chính xác cao th h mi;
61. Robot công nghip chui h, robot song song có 3 bc t do tr lên;
62. ng c AC servo chuyên dng, h truyn ng servo nhiu trc, hp gim tc có chính xác cao cho robot và máy CNC;
63. Khuôn mu k thut có chính xác cao;
64. Máy canh tác, chm sóc, thu hoch và sau thu hoch th h mi;
65. H thng thit b ch bin và bo qun thc phm có quy mô công nghip;
66. Thit b chn oán hình nh;
67. H thng lu gi và truyn hình nh cho y t (PACS);
68. H thng xét nghim t ng và ng b;
69. Thit b thm dò chc nng;
70. Thit b chn oán và iu tr ung th, tim mch;
71. Thit b laser y t;
72. Thit b vi phu k thut s;
73. Thit b ni soi chn oán và iu tr;
74. Thit b tiêm truyn t ng;
75. Hóa cht, sinh phm phc v cho các h thng xét nghim t ng và ng b;
76. Vt liu và sn phm cy ghép, can thip vào c th con ngi;
77. Kính hin vi quang hc phc hp;
78. Thu kính, lng kính, kính áp tròng cht lng cao;
79. Thit b to tia laser công sut ln (tr it laser);
80. V tinh và thit b v tinh;
81. Thit b và trm thu phát u cui ca v tinh;
82. Thit b ng dng công ngh nh v toàn cu;
83. Thit b bay và phn mm x lý d liu thu nhn t thit b bay;
84. Ging cây trng vt nuôi xut khu ch lc mi c to ra trên nn công ngh t bào có nng sut cao, sch bnh, cht lng cao c sn xut quy mô công nghip;
85. Ging các loi thy, hi sn có cht lng cao, sch bnh, tng trng tt và kh nng kháng bnh cao vi quy mô công nghip;
86. Ch phm vi sinh vt dùng trong nông nghip, bo qun và ch bin nông, lâm, thy, hi sn, x lý môi trng t tiêu chun quc t;
87. Các loi phân bón, thuc bo v thc vt th h mi t tiêu chun quc t;
88. Thuc iu hòa sinh trng cho cây trng; thuc kích dc t thy sn th h mi t tiêu chun quc t;
89. B KIT chn oán mt s bnh ca cây trng, vt nuôi;
90. Các hormone t nhiên, tng hp và dc phm cha hormone;
91. Vc-xin ADN tái t hp, vc-xin protein tái t hp dùng cho ngi, gia súc, gia cm và thy sn;
92. Vc-xin a liên, a giá;
93. T bào, mô và các c quan thay th c to ra t t bào gc;
94. B KIT chn oán các loi bnh, kim soát an toàn thc phm cho ngi;
95. Dch v giám nh gen;
96. Vt liu bán dn cho ch to vi mch in t tích hp (IC);
97. Vt liu cho ch to linh kin vi c in t và cm bin theo nguyên lý mi;
98. Vt liu quang in t và quang t;
99. Vt liu có tinh khit cao sn xut bng công ngh chit vi quy mô công nghip;
100. Vt liu siêu do, siêu bn, siêu nh, thân thin vi môi trng;

101. Vt liu composite nn kim loi, composite nn cao phân t ng dng trong k thut in - in t s dng trong môi trng khc nghit, trong xây dng bn vi khí hu nhit i;

102. Vt liu polyme sinh hc có kh nng t phân hy; polyme siêu hp th nc s dng nguyên liu ni a;

103. Sn chuyên dng cao cp, thân thin vi môi trng;

104. Vt liu cao su k thut, cao su tng hp chuyên dng phc v cho ngành ch to máy, in, in t;

105. Vt liu gm s k thut cho công nghip in, in t;

106. Si cácbon cng cao dùng cho vt liu composite;

107. Vt liu tích tr và chuyn hóa nng lng mi;

108. Vt liu t cao cp s dng trong lnh vc nng lng;

109. Vt liu nano cao cp cho công nghip, nông nghip, y t, sinh hc và môi trng;

110. Sn phm ph màng mng bng công ngh lng ng vt lý t pha hi (PVD) và lng ng hóa hc t pha hi (CVD);

111. ng composite, các ph kin ghép ni chu áp lc cao và chng n mòn hóa cht ng dng trong công nghip;

112. Thép hp kim c bit có bn cao dùng trong công nghip và xây dng;

113. Thép tm, thép hình kh ln, thép ng không hàn cht lng cao;

114. Nhôm phm cp cao sn xut bng công ngh in phân vi dòng in 500 kA.